

BÁO CÁO

**Kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024
và phương hướng nhiệm vụ năm 2025**

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Công văn số 1228/UBND-TH, ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ; Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện Quyết định số 1794/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2024. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Đắk Glong năm 2024; Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024; Kế hoạch số 42/KH-UBND, ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024; Kế hoạch số 47/KH-UBND, ngày 27/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024; Kế hoạch số 39/KH-UBND, ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc khắc phục, cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính huyện Đắk Glong năm 2024; Quyết định số 417/QĐ-UBND, ngày 27/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính và thực thi công vụ năm 2024; Kết luận số 08/KL-UBND, ngày 21/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện tại Hội nghị đánh giá, quán triệt, rút kinh nghiệm và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải thiện Chỉ số CCHC huyện Đắk Glong năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024; Quyết định số 455/QĐ-UBND, ngày 11/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Công tác cải cách hành chính huyện Đắk Glong; Công văn số 1790/UBND-NV, ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2024; Công văn số 1515/UBND-NV, ngày 07/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc khắc phục và đề

ra giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số CCHC, SIPAR, PAPI. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện còn ban hành các văn chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (01 quy chế, 15 Công văn, 06 Báo cáo, 07 Thông báo, 02 Quyết định, 01 Kết luận...).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác tuyên truyền

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong ban hành Kế hoạch số 86/KH-UBND, ngày 10/4/2024 về việc tổ chức cuộc thi “Đăk Glong chung tay cải cách thủ tục hành chính” năm 2024 nhằm thông tin, tuyên truyền và tìm ra sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn huyện. Trên cơ sở Kế hoạch số 47/KH-UBND, ngày 27/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Đăk Glong năm 2024; trong năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong đã chỉ đạo Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện Đăk Glong chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan đã đăng tải đc 65 tin bài tuyên truyền về công tác CCHC trên trang thông tin điện tử của huyện, tuyên truyền 25 lần trên hệ thống đài truyền thanh huyện, đăng tải được 25 tin trên group Facebook Đăk Glong đổi mới.

2. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

+ Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong đã bám sát Luật ban hành văn bản QPPL 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản QPPL và đề nghị góp ý, thẩm định.

+ Ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc kiểm tra, rà soát và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Đăk Glong năm 2024; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 02/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn huyện Đăk Glong kỳ 2019 - 2023.

+ Ban hành Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023.

+ Ban hành Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy

phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glongkỳ 2019-2023.

+ Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị rà soát ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc UBND huyện.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2023; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về Kế hoạch triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2023; Kế hoạch số 98/KH-UBND, ngày 24/4/2024 của UBND huyện về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn huyện năm 2024.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

+ Ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024.

+ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Kỳ họp bất thường lần thứ 5.

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp; Bộ Luật Dân sự; Bộ Luật Hình sự; Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Căn cước; Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Thanh niên, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi); các chính sách dân tộc liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo CTMTQG nội dung 2, Tiểu dự án 1, Dự án 10) trên địa bàn huyện Đắk Glong 7 ngày (14 buổi)/7 xã với tổng số 450 lượt người tham dự.

+ Tổ chức phối hợp tuyên truyền tại xã Quảng Hòa, Đắk Ha với Chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ và trẻ em năm 2024 với hơn 400 người tham dự.

- Ban hành Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác, sử dụng Bộ pháp điển” trên địa bàn huyện Đắk Glong.

- Ban hành Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện nội dung 2, Tiểu dự án 1, Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glong;

- Ban hành Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 16/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc ban hành kế hoạch Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Pháp luật với cuộc sống” lần thứ hai trên địa bàn huyện Đắk Glong.

- Ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong ngày 26/4/2024 về việc ban hành Kế hoạch Xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024.

- Ban hành kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 11/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc triển khai Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn huyện Đắk Glong.

- Ban hành kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong ngày 28/6/2024 về việc triển khai Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030” trên địa bàn huyện Đắk Glong.

- Chỉ đạo tổ chức thành công cuộc thi trực tuyến pháp luật với cuộc sống lần thứ 2 năm 2024 trên địa bàn huyện với 824 lượt người tham dự.

- Chỉ đạo tổ chức điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về quản lý thuế trong hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn.

- Ban hành Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành công tác theo dõi thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Tình hình công khai, cập nhật TTHC: Quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và 7 xã trên địa bàn huyện. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời việc công khai các TTHC sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, đồng thời chỉ đạo UBND các xã thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết

quả cấp xã. Thực hiện đăng tải công khai trên trang, cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện để cá nhân, tổ chức tra cứu, thực hiện.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ là 15.607 hồ sơ (tiếp nhận trực tiếp: 13.699 hồ sơ, trực tuyến là: 1.908 hồ sơ) Trong đó: số hồ sơ mới tiếp nhận là 14.904 hồ sơ; số hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua là 703 hồ sơ; tổng số hồ sơ đã giải quyết là 13.916 hồ sơ (trả đúng hạn 12.446 hồ sơ, trả quá hạn 1.450 hồ sơ). Tổng số hồ sơ đang giải quyết là 237 hồ sơ (trong hạn là 235 hồ sơ, quá hạn là 02 hồ sơ).

+ Triển khai thực hiện Kế hoạch số 580/KH-UBND ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai nhân rộng sáng kiến CCHC “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”. Từ ngày 05/12/2023 đến ngày 03/12/2024 trên địa bàn huyện đã tiếp nhận 1.772 lượt hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả 1.769 hồ sơ trong ngày đạt tỷ lệ 99,8%, hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết là 03 hồ sơ tỷ lệ 0,2 % (trong đó đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 708 hồ sơ; đăng ký kinh doanh 107 hồ sơ; xác nhận tình trạng hôn nhân (trường hợp không phải xác minh hồ sơ): 957 hồ sơ).

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp: Tổ chức Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn huyện được sắp xếp, bố trí theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Toàn huyện có 08 bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (01 cấp huyện và 07 cấp xã).

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện: được kiện toàn theo Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 gồm có 14 người trong đó Chánh Văn Phòng HĐND&UBND huyện làm trưởng bộ phận và các thành viên gồm cán bộ ,công chức, viên chức thuộc các phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và các đơn vị ngành dọc cử đến thực hiện nhiệm vụ.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã: Tùy theo tình hình thực tế của địa phương để sắp xếp cán bộ, công chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ tại Bộ phận Một cửa, số lượng từ 03 đến 05 người trong đó 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm trưởng bộ phận và các thành viên là cán bộ công chức cấp xã (thuộc các lĩnh vực như Văn hoá - Xã hội; Tư pháp – Hộ tịch; Văn phòng – Thống kê; Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường...).

- Về cơ sở vật chất: Tại cấp huyện Bộ phận Một cửa được bố trí 1 phòng làm việc tách riêng, được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng cơ bản nhu cầu thực hiện nhiệm vụ hiện nay. Tại cấp xã 7/7 xã đều bố trí 01 phòng làm

việc cho Bộ phận Một cửa tại các vị trí để tìm thuận tiện cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị bố trí trang thiết bị, nhân lực tăng cường làm tốt công tác số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 7 trường hợp.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Huyện có 13 phòng chuyên môn và 04 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Trên cơ sở biên chế được giao hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện giao biên số lượng biên chế cho từng đơn vị.

- Tổng số biên chế công chức hành chính được tỉnh giao là 83 biên chế, biên chế phân bổ cho các cơ quan là 83 biên chế. Hiện nay số biên chế có mặt là 74 biên chế; số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được tỉnh giao là 1.076 người. Ủy ban nhân dân huyện giao biên chế cho đơn vị trường học là 1040 người (có mặt 1007 người), trong đó các đơn vị sự nghiệp công lập khác là 32 người (có mặt 29 người); biên chế khối hội đặc thù là 04 người (có mặt 04 người). Về cán bộ, công chức cấp xã, tổng số lượng được giao là 177, đã bố trí sắp xếp là 172, còn thiếu 06 chỉ tiêu biên chế (do chưa tuyển dụng được); hiện tại 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý Nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glông thực hiện đúng phân công, phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy. Tập trung chỉ đạo, nâng cao hoạt động của bộ máy chính quyền trên địa bàn toàn huyện thông qua các kỳ họp chuyên đề. Các cơ quan chuyên môn thực hiện đúng chức năng theo quy định, thực hiện tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện trong công tác quản lý Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực.

- Công tác quản lý và sử dụng biên chế: Công chức, viên chức tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục được bố trí, sắp xếp và phân công công tác phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vị trí việc

làm, đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng tăng; triển khai thực hiện tốt Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Công tác thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính được quan tâm chỉ đạo.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Thực hiện Công văn số 7104/UBND-GDDT ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các Thông tư 19, 20, 21/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 8037/UBND-TH, ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm; Công văn số 2044/SNV-TCBM, ngày 19/12/2023 của Sở Nội vụ về việc xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu ngạch chức danh nghề nghiệp viên chức; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 3965/UBND-VP, ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu ngạch chức danh nghề nghiệp viên chức; Công văn số 161/UBND-GDDT ngày 11/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm các đơn vị trường học; Công văn 592/UBND-NV ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm. Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân huyện đã hoàn thiện việc xây dựng và phê duyệt đề án vị trí việc làm theo quy định.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân huyện đã hoàn thành việc tổ chức và công bố kết quả, ban hành Quyết định tuyển dụng công chức cấp xã năm 2023, năm 2024 (28 công chức) theo quy định; về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức tuyển dụng, công bố kết quả, ban hành Quyết định tuyển dụng đúng theo quy định (34 viên chức).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện quy trình điều động, giới thiệu bầu và bổ nhiệm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đắk Som; tiếp nhận và bổ nhiệm 01 Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; kiện toàn 01 Chủ tịch HĐND xã Đắk Som, 01 Chủ tịch HĐND xã Quảng Hoà; cho thôi giữ chức vụ Hiệu trưởng đối với 01 viên chức lãnh đạo quản lý, thực hiện quy trình và đề nghị bổ nhiệm lại đối với 19 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các đơn vị trường học trực thuộc; bổ nhiệm mới 05 Phó Hiệu trưởng, tiếp tục đề xuất, xin chủ trương thực hiện quy trình điều động và bổ nhiệm đối với Hiệu trưởng giữ chức vụ 02 nhiệm kỳ liên tục tại các đơn vị trường học trên địa bàn huyện.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Không có.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: Năm 2024, UBND huyện đã chỉ đạo kiểm tra đột xuất việc chấp hành và thực thi công vụ tại xã Quảng Sơn và Đắc Ha, Quảng Hoà; kết quả kiểm tra 100% cán bộ, công chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và kiểm tra công tác cải cách hành chính gắn với thực thi công vụ tại 04 xã (Quảng Hoà, Đắc R'Măng, Đắc Ha, Quảng Khê) và 03 phòng ban, đơn vị (VP. HĐND&UBND huyện, Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế - Hạ tầng), tuy nhiên qua quá trình kiểm tra một số đơn vị vẫn còn để xảy ra một số tồn tại hạn chế như thủ tục hành chính còn để trễ hạn theo quy định, công tác tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng; tỉ lệ thực hiện thủ tục hành chính toàn trình chưa cao, chưa có nhiều sáng kiến, cách làm đổi mới, sáng tạo. Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm, rút kinh nghiệm đối với Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn theo Kết luận số 02 của Thanh tra huyện; Ủy ban nhân dân xã Đắc R'Măng về vấn đề xây dựng; kiểm điểm trách nhiệm đối với Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện theo công văn 2155/CAT-PC03.

6. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách.

+ Thu ngân sách nhà nước năm 2024 đến ngày 04/12/2024 được 212.795/200.100 triệu đồng, đạt 106,34% dự toán giao, trong đó thu ngân sách huyện được 68.054/70.175 triệu đồng, đạt 96,98% dự toán giao (tiền sử dụng đất được 9.762/17.000 triệu đồng, đạt 57,42%).

+ Chi ngân sách Nhà nước năm 2024 đến ngày 04/12/2024 được 679.091/816.605 triệu đồng, đạt 83,16%, trong đó chi ngân sách huyện được 618.923/763.905 triệu đồng, đạt 81,02%, chi ngân sách xã được 60.168/52.699 triệu đồng, đạt 114,17%.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2024: là 479.560 triệu đồng, giải ngân tính đến ngày đến 27/11/2024 được 179.914 triệu đồng, đạt 37,52% kế hoạch vốn giao.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Chấp hành đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản; thực hiện công khai kế hoạch mua sắm, kết quả mua sắm tài sản công và các nội dung khác theo quy định tại Thông tư 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; thực hiện mở sổ theo dõi, quản lý tài sản theo đúng Luật Kế toán và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Chỉ đạo thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm quản lý tài sản công.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

* Tổng số đơn vị sự nghiệp: 39 đơn vị, cụ thể:

- Số đơn vị được giao quyền tự chủ: 39 đơn vị, trong đó:

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 0 đơn vị.

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 1 đơn vị.

+ Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 0 đơn vị.

+ Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 38 đơn vị.

Các đơn vị thực hiện xây dựng chế độ chi tiêu nội bộ cho đơn vị mình theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016. Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị tập trung vào một số khoản chi sau: Về chế độ công tác phí, chi tiêu hội nghị và tiếp khách, sử dụng văn phòng phẩm, sử dụng điện thoại, sử dụng điện trong cơ quan, thanh toán các khoản chi phí nghiệp vụ chuyên môn trong đơn vị.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số; thực hiện khảo sát hạ tầng công nghệ thông tin; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, rà soát TTHC đã cung cấp trên dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh triển khai chương trình cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện có 01 Trang thông tin điện tử. Cấp cơ sở có 07 trang thông tin điện tử các xã. Công tác cải cách hành chính được chú trọng thực hiện. Đến nay có 204 thủ tục hành chính cấp huyện, 111 thủ tục hành chính cấp xã được công khai trên môi trường mạng tại địa chỉ: <https://dichvucong.daknong.gov.vn/>. Bộ phận một cửa từ cấp huyện đến cấp xã được bố trí đầy đủ về nhân lực và cơ sở vật chất, 100% đơn vị có máy scan, máy tính phục vụ người dân giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến qua cổng dịch vụ công tỉnh Đắk Nông, cổng dịch vụ công Quốc gia. 100% các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành đồng bộ, hiệu quả với tổng số 276 tài khoản sử dụng. Tỷ lệ người dùng thường xuyên trên địa bàn huyện đạt 100%, 100% văn bản đến đều được phê duyệt, xử lý kịp thời. Tổng số chứng thư số được cấp là 96; 07/07 xã thường xuyên sử dụng chứng thư số để phát hành văn bản. Mỗi năm bình quân có trên 20.000 văn bản được ký số và ban hành trên hệ thống quản lý văn bản điều hành. Ngoài ra chứng thư số còn được triển khai trong giao dịch hành chính công giữa

cơ quan nhà nước với tổ chức, công dân để giải quyết TTHC, kê khai thuế, bảo hiểm....

- Ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai trong nhiều lĩnh vực, cụ thể:

+ Nâng cấp hệ thống truyền thanh thông minh, năm 2023 triển khai thực hiện trên hai xã Đăk Ha và Đăk Som.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên môi trường đã góp phần thực hiện tốt mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số của huyện với trọng tâm là sử dụng tốt các hệ thống phần mềm như: Hệ thống quản lý đất đai VBDLIS, ...

+ Sử dụng có hiệu quả phần mềm Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đặc biệt là liên quan thủ tục hành chính về đất đai. Sử dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu như: Hệ thống thông tin đất đai; hệ thống điểm lưới tọa độ các cấp,... Các hệ thống đi vào hoạt động đã phục vụ nhu cầu quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu một cách nhanh chóng, chính xác.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh cũng được quan tâm triển khai. Trung tâm Y tế huyện Đăk Glong và 07 Trạm y tế cấp xã đang sử dụng phần mềm trong công tác khám chữa bệnh,... Thực hiện quét CCCD gắn chip trong tiếp đón người bệnh thay thế thẻ BHYT. Triển khai đồng bộ công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trực tuyến trên phần mềm do tỉnh triển khai, khai sinh, khai tử, kết hôn, nhận cha mẹ, con nuôi, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp thẻ bảo hiểm y tế, đăng ký thường trú, liên thông thủ tục khai tử, xóa đăng ký thường trú và trợ cấp mai táng phí đều được triển khai số hóa điện tử đồng bộ từ huyện đến xã.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn được thực hiện trên nhiều lĩnh vực để quảng bá văn hóa, du lịch, sản phẩm đặc trưng của địa phương; thu hút các nhà đầu tư tham gia xây dựng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, đồng thời tạo thuận lợi trong việc giao dịch, mua bán, thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin. Đến nay, 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn đều có mạng Internet và hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN). Sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh đồng bộ từ tỉnh đến các xã, cơ quan, đơn vị. Các phần mềm dùng chung hệ thống của tỉnh như: Hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Cổng thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến,... được triển khai đồng bộ, có hiệu quả. 100% đơn vị cấp huyện, xã có Trang thông tin điện tử. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn đã triển khai, ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

chuyên ngành do các sở, ban, ngành triển khai như: Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, phần mềm quản lý đấu thầu; phần mềm quản lý hồ sơ và chi trả trợ cấp người có công với cách mạng, quản lý hộ nghèo, cận nghèo, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, quản lý người nước ngoài làm việc ở Việt Nam, cơ sở dữ liệu công chứng, lý lịch tư pháp, phần mềm thống kê trực tuyến, trường học kết nối, hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, thống kê chất lượng giáo dục tiểu học... Việc ứng dụng và triển khai các phần mềm, cơ sở dữ liệu trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương và theo ngành dọc đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc theo từng ngành, lĩnh vực.

- Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã quan tâm lãnh đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tổ chức các lớp đào tạo chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, an toàn thông tin cho lãnh đạo, cán bộ cấp huyện do cấp tỉnh tổ chức. Hướng dẫn thành lập tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn, bon. 07/07 đơn vị cấp xã có tổ công nghệ số cộng đồng, 61/61 thôn, bon có tổ công nghệ số cộng đồng. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã đưa môn Tin học vào giảng dạy tại các trường học, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy, từ đó góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo từ cấp Tiểu học đến Trung học phổ thông.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Ủy ban nhân dân huyện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự theo dõi, hướng dẫn tận tình của Sở Nội vụ, cùng với sự quyết tâm, nỗ lực của toàn thể Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Đăk Glong trong việc triển khai, thực hiện công tác Cải cách hành chính.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đối với công tác CCHC được thực hiện đồng bộ, thường xuyên, quyết liệt, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn huyện, đối với công tác cải cách hành chính.

- Về cơ bản, thủ trưởng, người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính; công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác CCHC luôn được đẩy mạnh và tăng cường, đặc biệt là việc thực hiện TTHC tại các xã; triển khai thực hiện tốt sáng kiến “ngày không hẹn, ngày không viết” của Sở Nội vụ.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số nhiệm vụ giao trong kế hoạch cải cách hành chính chưa được các cơ quan, đơn vị thực hiện chưa đồng bộ.
- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở một số đơn vị còn chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao.
- Vẫn còn hồ sơ TTHC trễ hạn, tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình còn hạn chế.
- Tỉ lệ số hoá hồ sơ còn chưa đồng bộ, thanh toán trực tuyến còn chưa cao.
- Một số đơn vị, địa phương còn chưa có nhiều cách làm đổi mới, sáng tạo trong CCHC.

3. Nguyên nhân

- Việc áp dụng công tác cải cách hành chính vào cơ quan, đơn vị đôi lúc còn máy móc, chưa vận dụng linh hoạt kế hoạch đối với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị.
- Cơ sở vật chất phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã còn hạn chế, chưa đảm bảo để làm tốt mọi công việc được giao, chưa có nguồn vốn để bố trí máy tính cho người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.
- Hạn chế về nhân lực công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số.
- Hạ tầng công nghệ thông tin mới ở mức trung bình, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc và tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về quan điểm chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh, Huyện ủy về công tác CCHC, thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch TTHC; khuyến khích, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch TTHC bằng hình thức trực tuyến.

3. Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Chính phủ, của tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác CCHC, tập trung vào việc kiểm tra công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Qua kiểm tra, đề kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện, thiết lập kỷ luật, kỷ cương hành chính; từ đó nâng cao ý thức trách

nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ công vụ trong các cơ quan hành chính Nhà nước.

4. Đẩy mạnh công tác xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo lộ trình nhằm đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức trên môi trường số.

5. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

6. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

7. Thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2025 theo quy định.

V. KIẾN NGHỊ: Không có.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong. Kính đề nghị Sở Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, ban, đơn vị;
- Ủy ban nhân dân các xã.
- Lưu: VT (Dương).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 05/12/2024 16:09:52

Trần Nam Thuận

PHỤ LỤC 2
BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 640 /BC-UBND ngày 05 /12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong)

BIỂU MẪU 1
Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	42	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	64	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	64	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	03	
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	03	
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	03	
4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			

4.1	Số lượng phiếu khảo sát		Số lượng	150	
4.2	Hình thức khảo sát		+ Trực tiếp + trang thông tin điện tử huyện	Trực tiếp, trực tuyến	
5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp			02	

BIỂU MẪU 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	00	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành		00	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		00	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Rà soát VBQPPL		00	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

BIỂU MẪU 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)	Văn bản		
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	00	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	00	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	00	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	201	Theo quyết định 889/QĐ-UBND tỉnh
1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	117	Theo quyết định 889/QĐ-UBND tỉnh
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		

2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	57	Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	00	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	90,06%	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	13.837	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	12.545	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	91,5 %	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	8.047	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	7.367	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	7	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	7	

BIỂU MẪU 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
<i>1.5.1</i>	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
<i>1.5.2</i>	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
<i>1.5.3</i>	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	39	
<i>1.5.4</i>	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	4	Giảm 2
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	83	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	74	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	6	

2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	0
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.076	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1040	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

BIỂU MẪU 5
Cải cách chế độ công vụ

TT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	13	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	13	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vị phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	28	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	34	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)		0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		00	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật	Người	05	

BIỂU MẪU 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	37,52	
	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	479.560	
	Đã thực hiện	Triệu đồng	179.914	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	39	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		0	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên		1	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		0	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên		0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên		0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên		0	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		38	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		0	

BIỂU MẪU 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

TT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)			

5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	(trừ văn bản mật)
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	(trừ văn bản mật)
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	62,1%	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	125	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	125	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	14	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	55,2%	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	96	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	96	

6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	25	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	47,7%	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	125	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	96	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chi thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	12,4	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Thủ tục	15.607	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Thủ tục	1908	
6.5	Tỷ lệ hồ sơ được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	32,3	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	65	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	65	